

PHÓ TỪ

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được khái niệm phó từ ;
- Hiểu và nhớ được các loại ý nghĩa chính của phó từ ;
- Biết đặt câu có chứa phó từ để thể hiện các ý nghĩa khác nhau.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Phó từ cùng với lượng từ (đã học ở *Bài 12*, học kì I) là những hư từ, chuyên đi kèm với các thực từ (danh từ, động từ, tính từ) để bổ sung ý nghĩa cho thực từ.

Khác với thực từ, hư từ không có khả năng gọi tên sự vật, hoạt động, tính chất hay quan hệ. Chẳng hạn, trong câu *Nó đã học*, từ *đã* cho biết việc học xảy ra trong quá khứ, trước thời điểm nói, nhưng không thể gọi tên khoảng thời gian đó như là từ *quá khứ*. Có thể nói "*Nó không quên quá khứ*." mà không thể nói "*Nó không quên đã*".

Do vậy, hư từ được coi là những từ chỉ có ý nghĩa ngữ pháp, không có ý nghĩa từ vựng.

2. Phó từ là loại hư từ chuyên đi kèm động từ, tính từ. Ví dụ :

- *đã học, chưa thấy, ...*
- *rất đẹp, tốt quá, ...*

Vì thế, có thể dùng các phó từ để phân biệt một bên là danh từ với bên kia là động từ và tính từ. (So sánh : không thể nói "*đã tủ, rất bút, ...*". Trường hợp các phó từ có thể kết hợp được với danh từ cho thấy danh từ đã chuyển sang loại khác, như : *rất Việt Nam, rất Hà Nội, ...*)

3. Phó từ có khả năng bổ sung các loại ý nghĩa khác nhau cho động từ và tính từ. Cụ thể, có thể kể ra các loại phó từ sau đây :

- Phó từ chỉ quan hệ thời gian : *đã, đang, từng, mới, sắp, sẽ, ...*

- Phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự : *cũng, đều, vẫn, cứ, còn, nữa, cùng, ...*
- Phó từ chỉ mức độ : *rất, lắm, quá, cực kì, hơi, khí, khá, ...*
- Phó từ phủ định, khẳng định : *không, chẳng, chưa, có, ...*
- Phó từ cầu khiến : *hãy, đừng, chó, ...*
- Phó từ chỉ kết quả và hướng : *mất, được, ra, đi, ...*
- Phó từ tần số : *thường, nồng, ít, hiếm, luôn, luôn luôn, thường thường, ...*
- Phó từ tình thái, đánh giá : *vụt, bỗng, chợt, đột nhiên, thình lình, thoắt, ...*

4. Ngoài việc phân loại theo ý nghĩa, người ta còn phân loại phó từ theo vị trí trước hoặc sau thực từ. Theo cách phân loại này, phó từ có hai loại lớn : phó từ đứng trước động từ, tính từ và phó từ đứng sau động từ, tính từ.

Một số nhóm phó từ thường có khả năng kết hợp phổ biến với một số nhóm thực từ nhất định, nên có thể dùng phó từ để phân biệt động từ với tính từ.

5. Người ta thường cho rằng các phó từ *đã, đang, sẽ, mới, từng, sắp, ...* thể hiện các ý nghĩa thời và thể của động từ, tính từ.

Phạm trù *thời* biểu thị thời gian diễn ra hoặc tồn tại của hành động, tính chất bằng cách đối chiếu nó với thời điểm phát ngôn (thời tuyệt đối) hoặc với những thời điểm khác (thời tương đối).

Ví dụ :

(1) *Hè vừa qua, tôi đã có những ngày tuyệt vời.* (2) *Một lần, khi tôi đang đi trên đường, bạn tôi chạy đến rủ tôi đi bơi.* (3) *Nhưng vì đang bận, tôi không đi được, đành phải từ chối bạn và hứa sẽ đi bơi cùng bạn vào hôm sau.*

Trong đoạn trên, chỉ có từ *đã* ở câu (1) là được sử dụng theo thời tuyệt đối (hành động diễn ra trước thời điểm phát ngôn), các từ *đang* ở câu (2) và *sẽ* ở câu (3) là theo thời tương đối (trạng thái, hành động diễn ra đồng thời hoặc diễn ra sau thời điểm "bạn rủ đi bơi").

Phạm trù *thể* biểu thị cấu trúc thời gian bên trong của hành động, tính chất. Chẳng hạn, sự khác nhau giữa *đang đi* trong câu (2) với *không đi* trong câu (3) vừa dẫn bên trên là khác nhau về thể. Trong tổ hợp *đang đi*, hành động *đi* được nhìn nhận như là một quá trình có cấu trúc thời gian (bắt đầu, đang diễn ra, kết thúc) mà cái khía cạnh được miêu tả là giai đoạn giữa ; còn trong tổ hợp *không đi*, hành động *đi* được người nói (người viết) nhìn nhận như một hành động nói chung, không có cấu trúc thời gian bên trong.

Để thể hiện được các ý nghĩa thời, thể của các phó từ *đã* nêu mà không phải dùng đến các thuật ngữ phức tạp này, SGK gọi các phó từ ấy là phó từ chỉ quan

hệ thời gian. Gọi như thế cũng là để phân biệt ý nghĩa của phó từ với các từ chỉ thời gian như *sáng, trưa, xuân, hạ*...

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Phần lí thuyết của tiết học này tập trung vào hai vấn đề :

- Nhận biết được phó từ ;
- Phân tích để tìm ra ý nghĩa và công dụng của phó từ đã nhận biết.

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm *phó từ*.

Hoạt động này gồm hai bước tương ứng với việc làm hai bài tập trong SGK.

1. GV cho HS làm *bài tập 1* trong SGK.

- Yêu cầu HS ghi ra vỏ những từ được các từ in đậm bổ sung ý nghĩa :

Câu a :

đã bổ sung ý nghĩa cho *đi* ;
cũng bổ sung ý nghĩa cho *ra* ;
vẫn, chưa bổ sung ý nghĩa cho *thấy* ;
thật bổ sung ý nghĩa cho *lỗi lạc*.

Câu b :

được bổ sung ý nghĩa cho *soi (gương)* ;
rất bổ sung ý nghĩa cho *ưa nhìn* ;
ra bổ sung ý nghĩa cho *to* ;
rất bổ sung ý nghĩa cho *bướng*.

- Yêu cầu HS xác định từ loại cho những từ đã tìm được ở trên :

Động từ : *đi, ra (câu đố), thấy, soi (gương)* ;

Tính từ : *lỗi lạc, ưa nhìn, to, bướng*.

- GV nhấn mạnh : Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ (không bổ sung ý nghĩa cho danh từ). Chúng là phó từ.

2.

- GV cho HS làm *bài tập 2* trong SGK.

– Yêu cầu HS chép cả cụm từ (gồm những từ in đậm và những từ mà chúng bổ sung ý nghĩa) vào vở, yêu cầu HS nhận xét về vị trí của những từ in đậm với các động từ, tính từ mà chúng đi kèm :

đứng trước	động từ, tính từ	đứng sau
<i>đã</i>	<i>đi</i>	
<i>cũng</i>	<i>ra</i>	
<i>vẫn, chưa</i>	<i>thấy</i>	
<i>thật</i>	<i>lỗi lạc</i>	
	<i>soi</i>	<i>được</i>
<i>rất</i>	<i>ưa nhìn</i>	
	<i>to</i>	<i>ra</i>
<i>rất</i>	<i>bướng</i>	

– Từ đó, rút ra kết luận : Phó từ có thể đứng trước hoặc đứng sau động từ, tính từ.

Hoạt động 2. Xác định ý nghĩa và công dụng của *phó từ*.

– *Bài tập 1.* Yêu cầu HS tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho các động từ, tính từ in đậm trong bài tập.

Câu a : *lắm*

Câu b : *đứng, vào*

Câu c : *không, đã, đang.*

– *Bài tập 2.* Yêu cầu HS so sánh ý nghĩa của các cụm từ có và không có phó từ để tìm ra ý nghĩa của phó từ, sắp xếp vào bảng phân loại đã cho :

ý nghĩa	đứng trước	đứng sau
Chỉ quan hệ thời gian	<i>đã, đang</i>	
Chỉ mức độ	<i>thật, rất</i>	<i>lắm</i>
Chỉ sự tiếp diễn tương tự	<i>cũng, vẫn</i>	
Chỉ sự phủ định	<i>không, chưa</i>	
Chỉ sự cầu khiến	<i>đứng</i>	
Chỉ kết quả và hướng		<i>vào, ra</i>
Chỉ khả năng		<i>được</i>

- *Bài tập 3.* Yêu cầu HS tìm thêm các phó từ thuộc các loại trên (xem điểm lưu ý 3 trên đây).

Hoạt động 3. Ghi nhớ và củng cố nội dung tiết học.

GV yêu cầu HS ghi nhớ nội dung khái niệm về phó từ và các ý nghĩa mà phó từ có thể bổ sung cho động từ, tính từ.

Yêu cầu HS tự đặt các câu có phó từ với các ý nghĩa khác nhau.

Hoạt động 4. Làm bài tập. (Tuỳ theo thời gian còn lại, GV lần lượt cho HS làm các bài tập trong SGK.)

IV – GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

Bài tập 1

Phó từ được in đậm như sau :

a)

- *Thế là mùa xuân mong ước **đã** đến.* (**đã** – phó từ chỉ quan hệ thời gian)

- *Trong không khí không **còn** ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo [...].* (**không** – phó từ chỉ sự phủ định, **còn** – phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự)

- *Cây hồng bì **đã** cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thuỷ.* (**đã** – phó từ chỉ quan hệ thời gian)

- *Các cành cây **đều** lấm tấm màu xanh.* (**đều** – phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự)

- *Những cành xoan **hở** kheo **đương** trổ lá **lại** sấp buông toả ra những tàn hoa sang sáng, tim tím.* (**hở**, **đương**, **sấp** – phó từ chỉ quan hệ thời gian, **lại** – phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự, **ra** – phó từ chỉ kết quả và hướng)

- *Ngoài kia, rặng râm bụt **cũng** sấp có nụ.* (**cũng** – phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự, **sấp** – phó từ chỉ quan hệ thời gian)

- *Mùa xuân xinh đẹp **đã** về !* (**đã** – phó từ chỉ quan hệ thời gian)

- *Thế là các bạn chim **đi** tránh rét **cũng** sấp **về** !* (**cũng** – phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự, **sấp** – phó từ chỉ quan hệ thời gian)

b) *Quả nhiên con kiến càng **đã** xâu **được** sợi chì [...].* (**đã** – phó từ chỉ quan hệ thời gian, **được** – phó từ chỉ kết quả)

Bài tập 2

Cho HS đọc lại đoạn trích việc Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt và thuật lại bằng đoạn văn gồm ba đến năm câu (chú ý có sử dụng phó từ).

Ví dụ :

Một hôm, thấy chị Cốc đang kiếm mồi, Dế Mèn cất giọng đọc một câu thơ cạnh khoé rồi chui tọt vào hang. Chị Cốc rất bức, đi tìm kẻ dám trêu mình. Không thấy Dế Mèn, nhưng chị Cốc trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trước cửa hang. Chị Cốc trút cơn giận lên đầu Dế Choắt.

Bài tập 3

Chính tả. Chú ý những từ ngữ dễ viết sai của HS ở địa phương.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Biên, *Từ loại tiếng Việt hiện đại* (Tái bản lần thứ tư), NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
2. Diệp Quang Ban – Hoàng Văn Thung, *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập một (Tái bản lần thứ tư), NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.